

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Công trình giao thông Đồng Nai

Ngày 31/12/2025	5,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.2%	-5.7%	-2.0%

DT thuần Q4/25
140
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.0 -9.5%
YoY: ▲ 88.0 170%

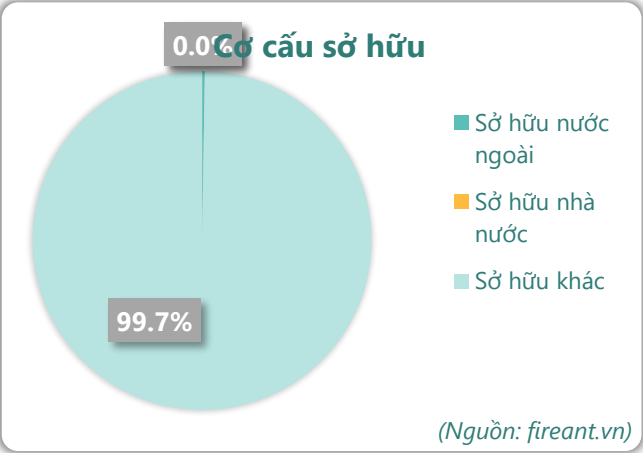
LN thuần Q4/25
3.57
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.10 -2.7%
YoY: ▲ 25.3 116%

LN sau thuế Q4/25
0.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.65 -53.9%
YoY: ▲ 2.33 131%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
0.7%
YoY: +/-▼ 10.0%

ROE 2025
-0.8%
YoY: +/-▼ 1.2%

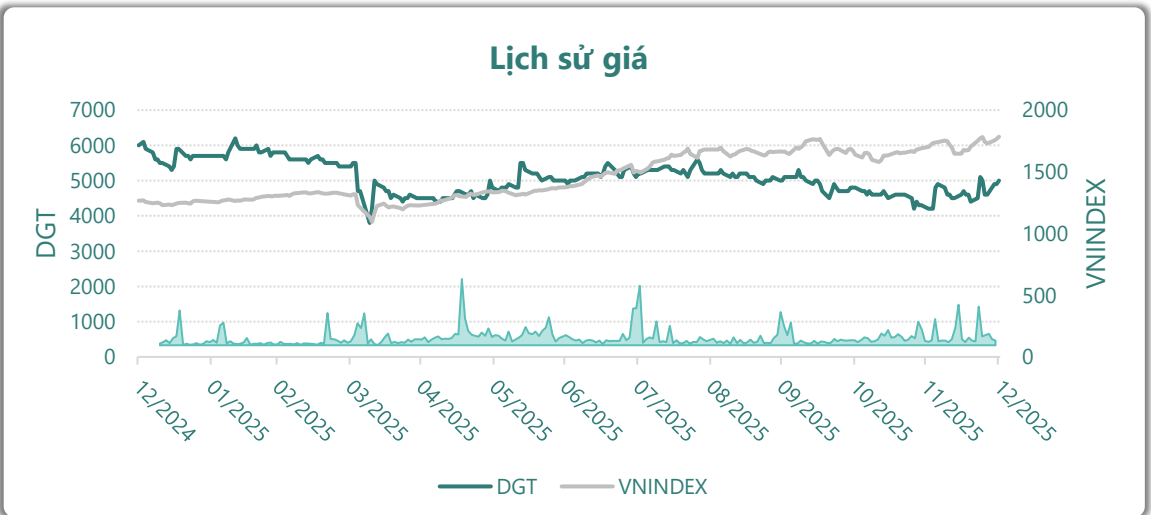
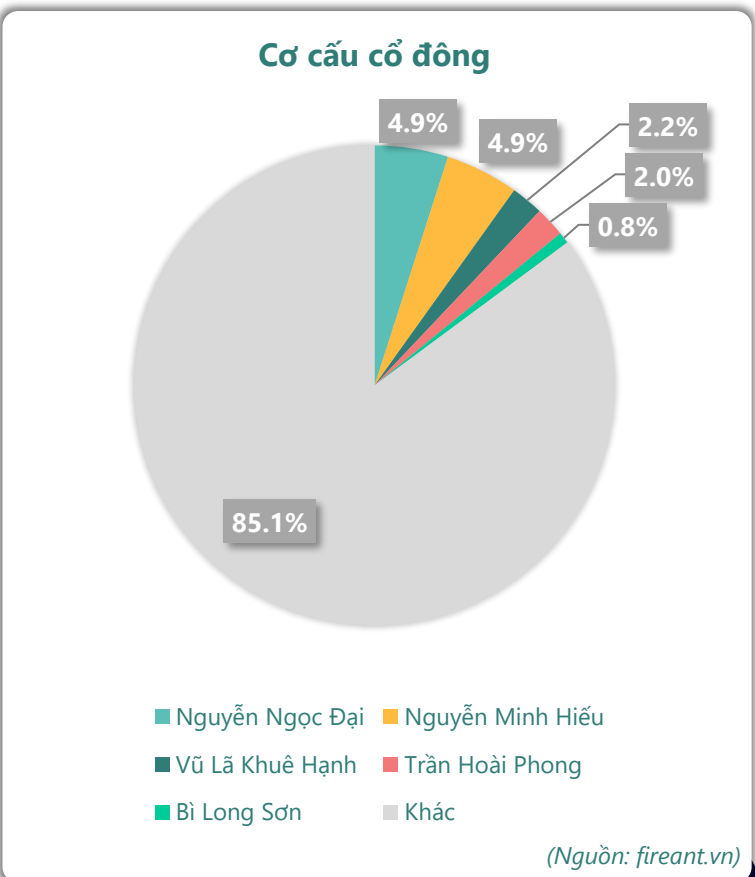
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,800 - 6,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	395
Số lượng CPLH (CP)	79,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	268,505
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.79
EPS	-105
P/E	-47.5



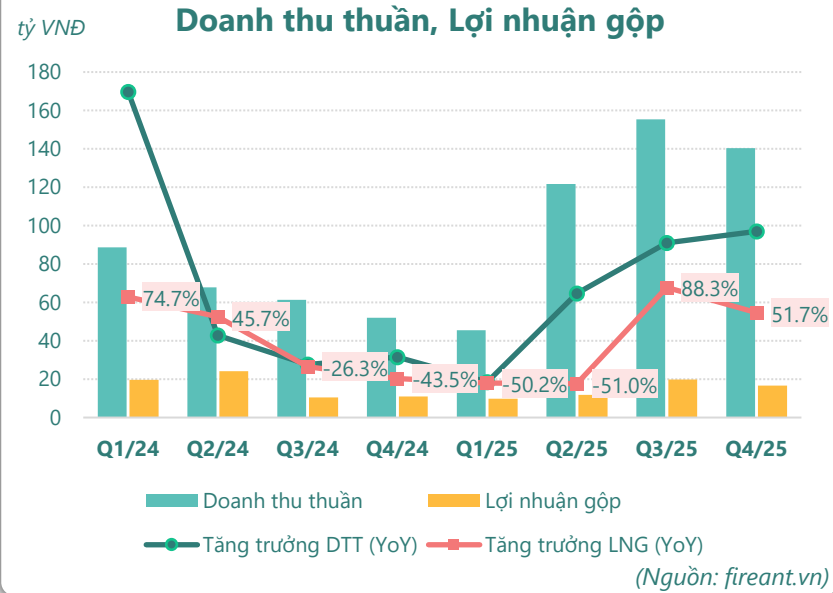
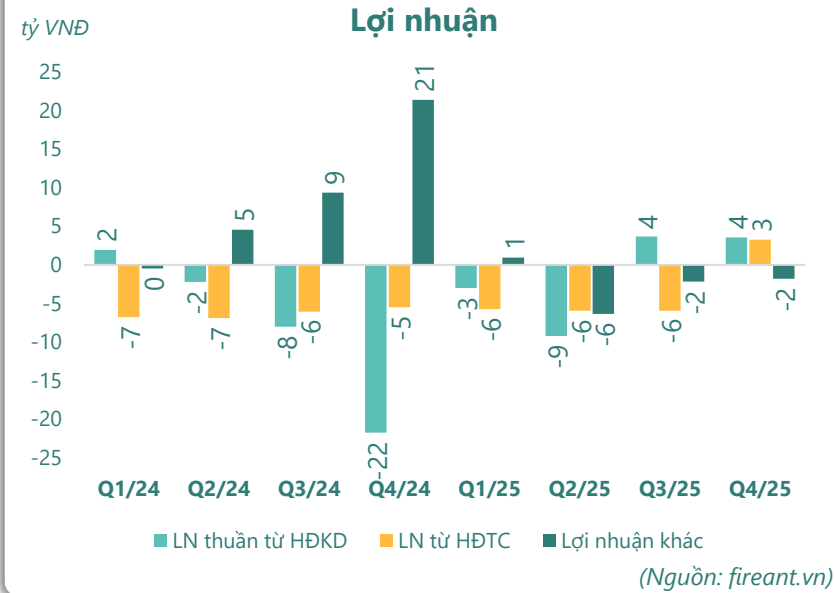
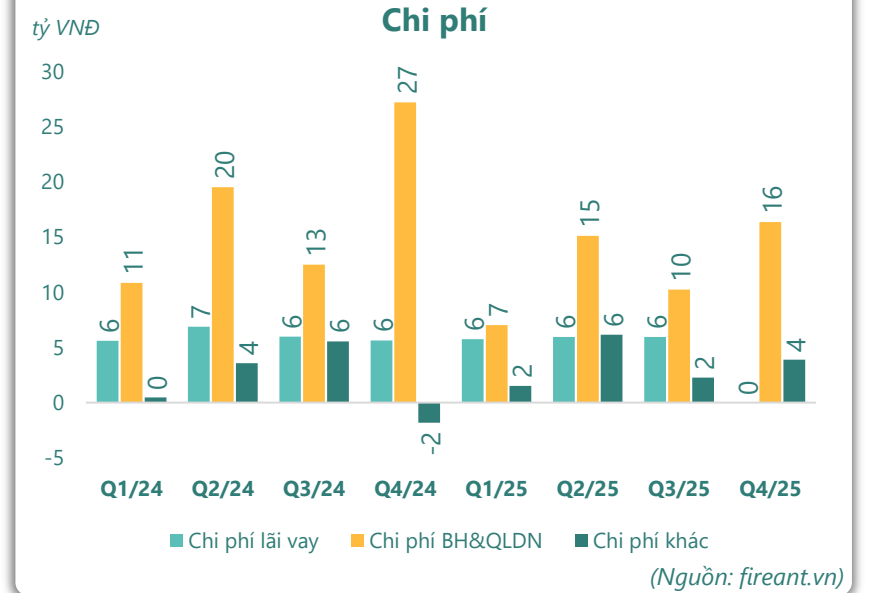
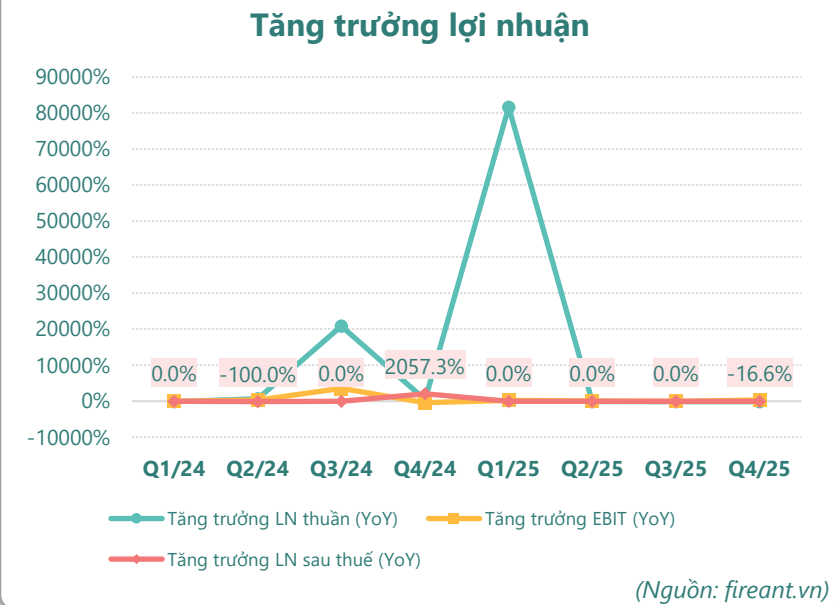
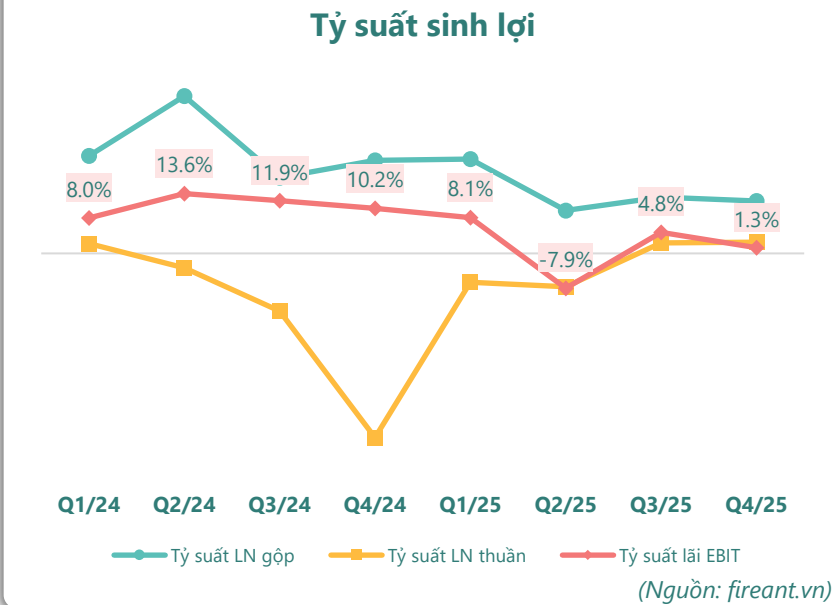
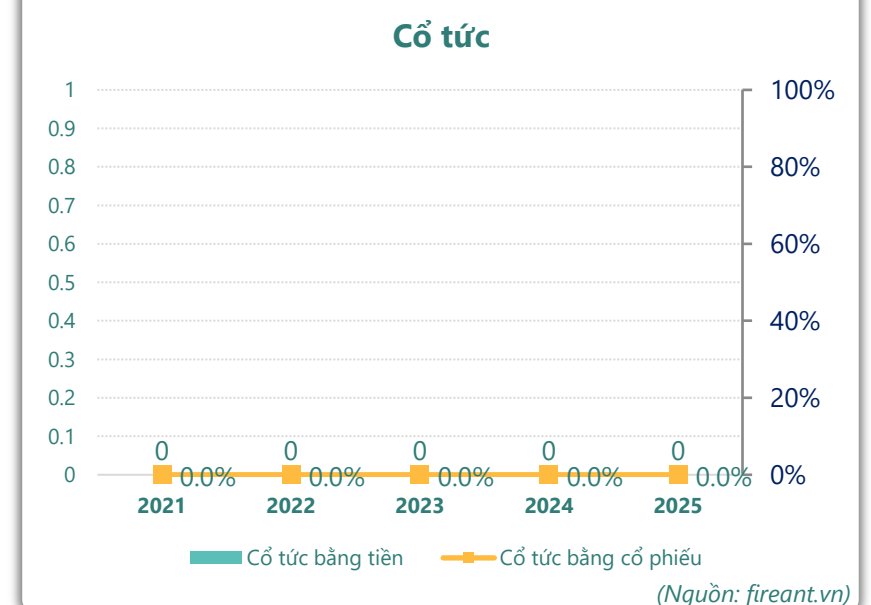
DT thuần 2025
463
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 193 71.5%

LN thuần 2025
-4.98
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.0 83.4%

LN sau thuế 2025
-16.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼20.0 -495%



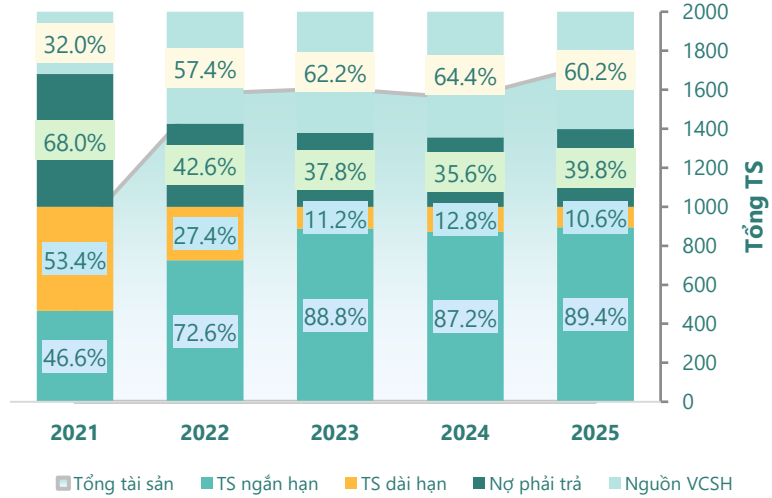
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

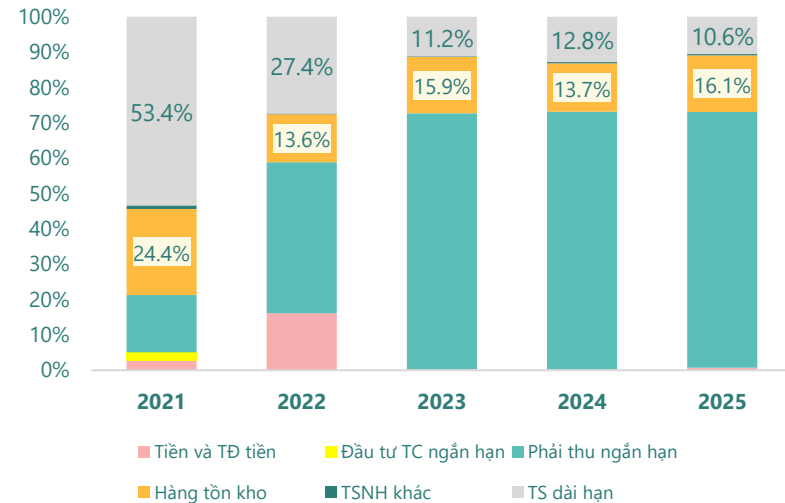
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

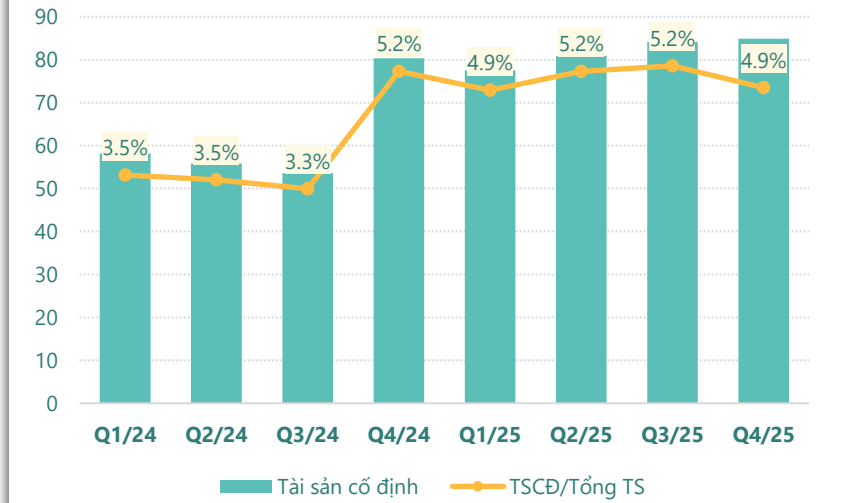
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

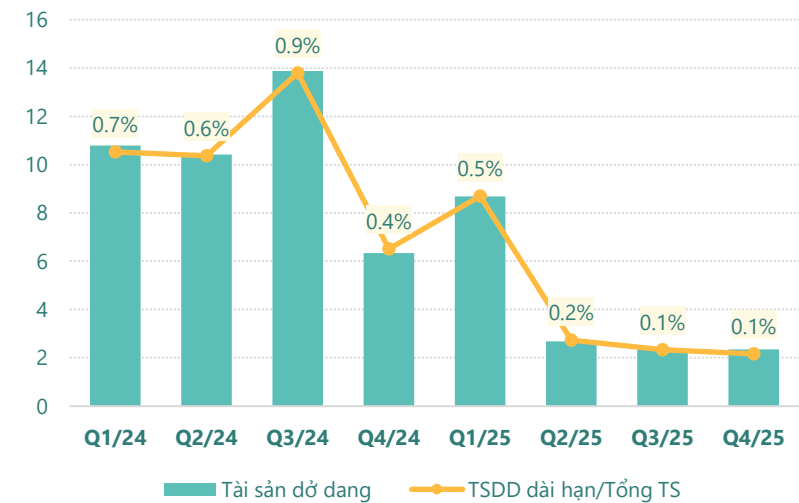
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

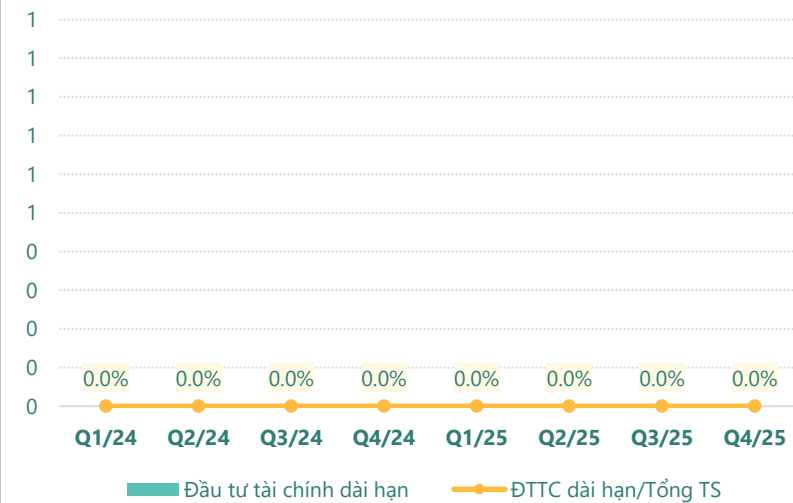
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

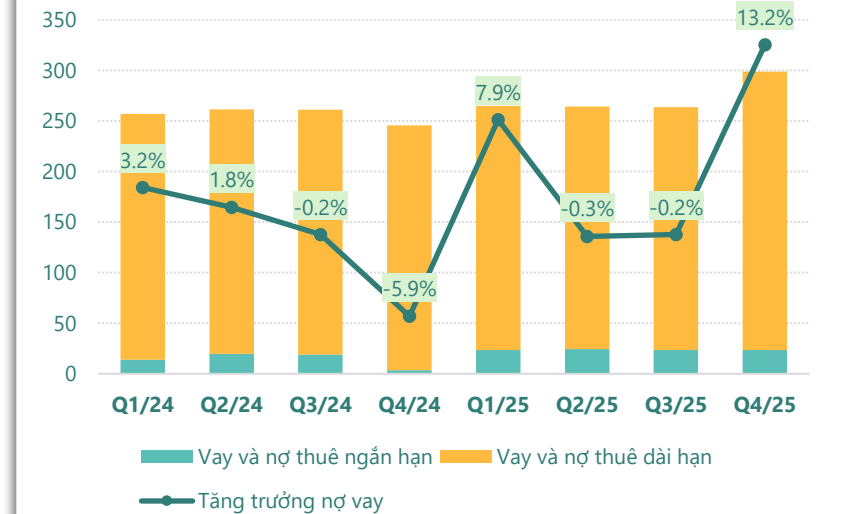
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

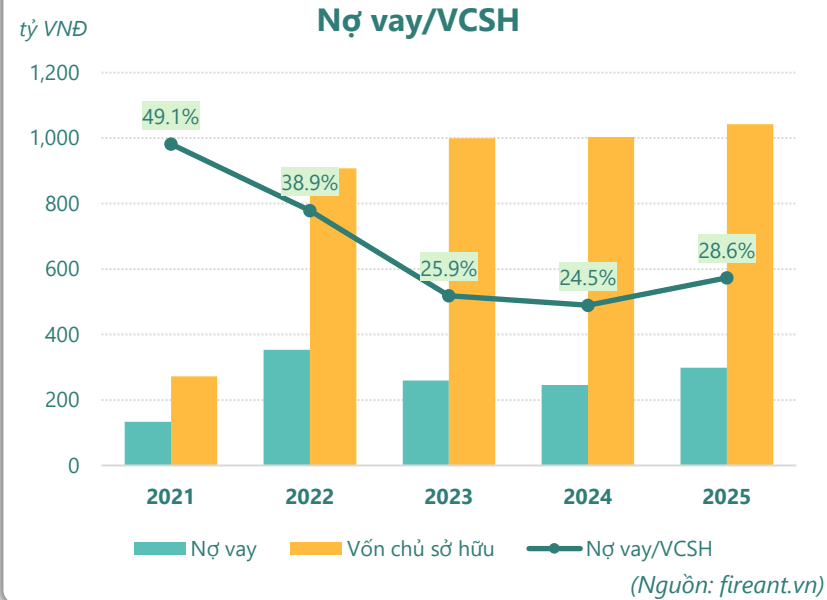
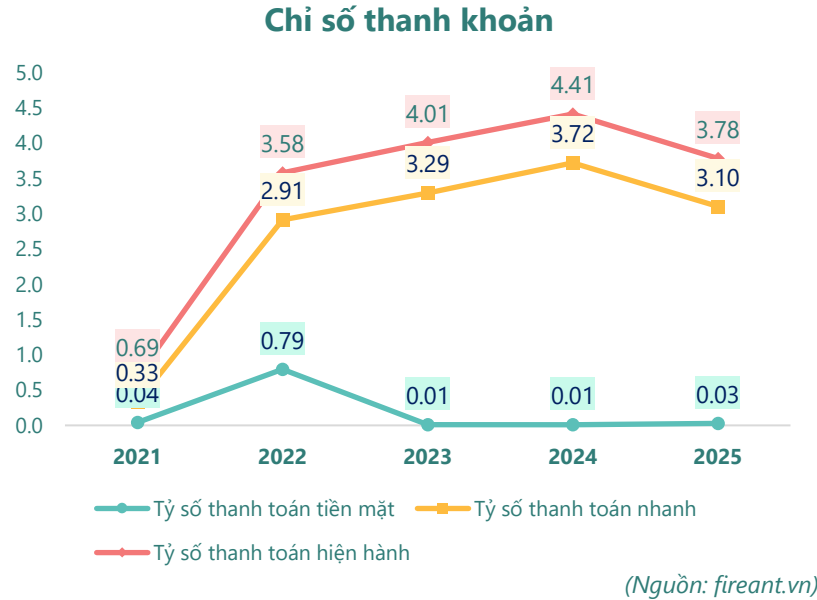
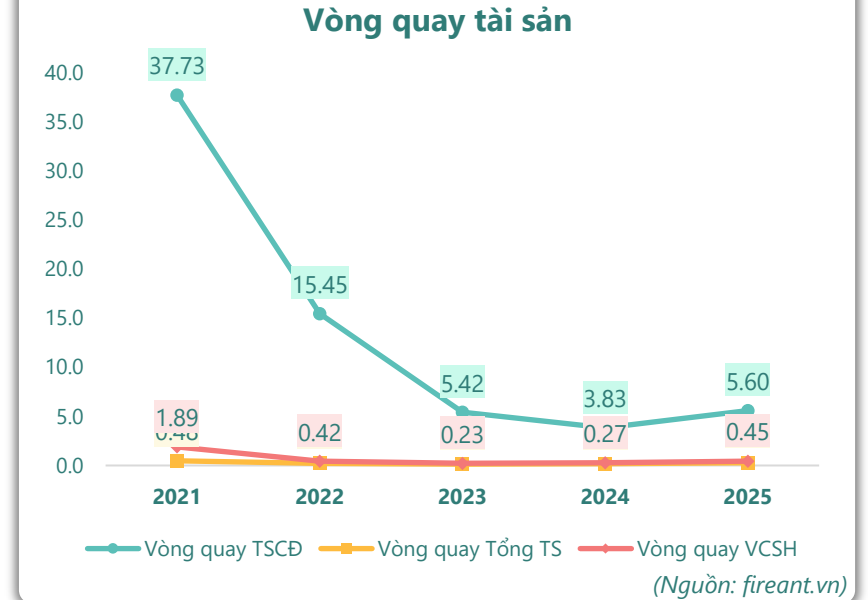
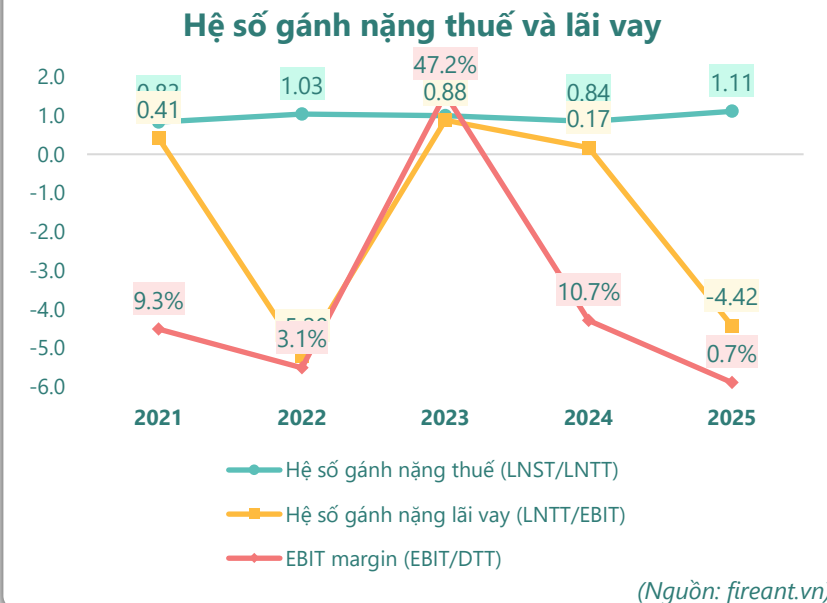
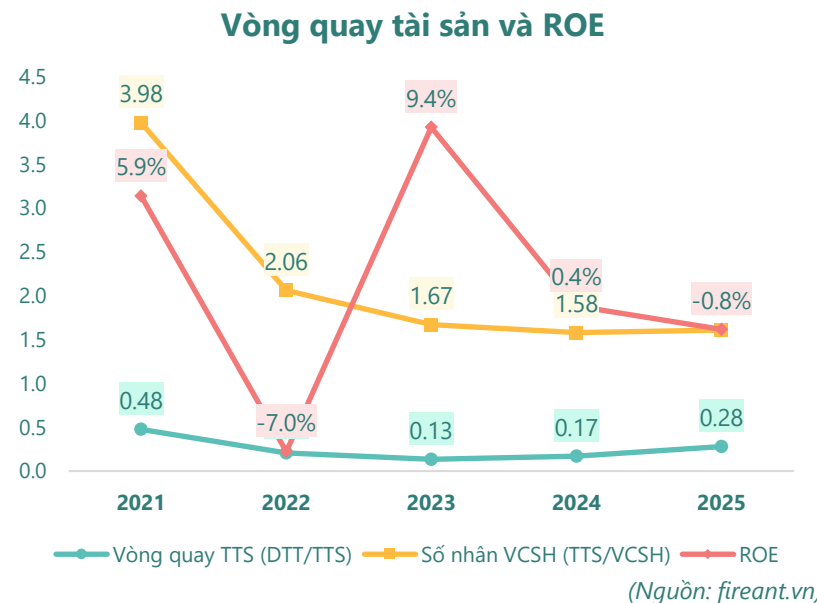
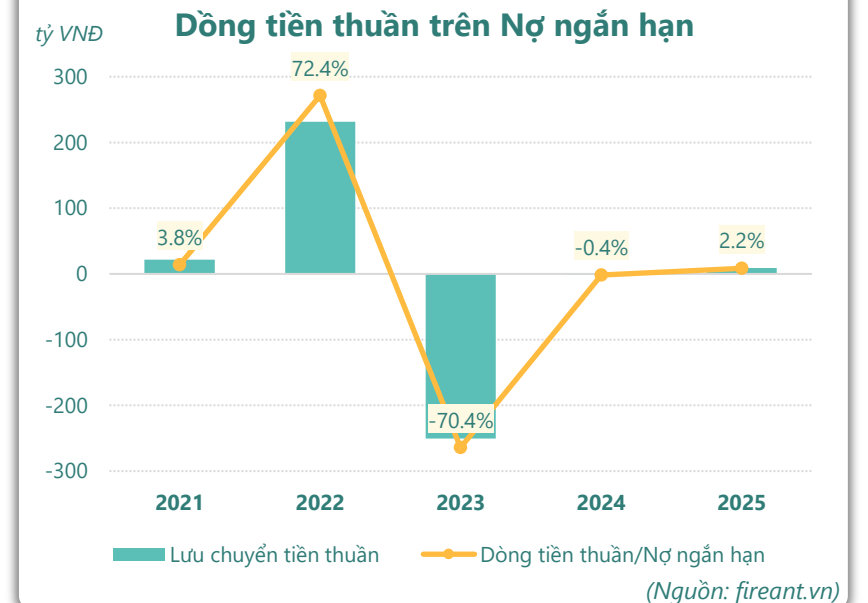
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	140	52.0	170%	463	270	71.5%
Giá vốn hàng bán	124	41.0	201%	405	205	97.9%
Lợi nhuận gộp	16.7	11.0	51.7%	58.2	65.3	-11.0%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.08	-46.8%	0.12	0.08	40.6%
Chi phí TC	-3.22	5.57	-158%	14.5	25.3	-42.8%
Chi phí lãi vay	0	5.65	-100%	17.7	24.1	-26.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	12.0	5.85	105%	31.0	34.7	-10.6%
Chi phí QLDN	4.40	21.4	-79.4%	17.8	35.5	-49.9%
LN thuần từ HĐKD	3.57	-21.7	116%	-4.98	-30.0	83.4%
Lợi nhuận khác	-1.81	21.4	-108%	-9.43	34.8	-127%
LN trước thuế	1.76	-0.34	617%	-14.4	4.79	-401%
Lợi nhuận sau thuế	0.55	-1.78	131%	-16.0	4.04	-495%
LNST của CĐ cty mẹ	0.55	-1.03	154%	-8.31	3.71	-324%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.54	45.7	-20.1	14.0	5.77	7.12
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.31	-28.4	0.05	-7.93	-2.55	-4.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.42	-16.8	19.5	-0.79	-0.45	-1.36
Tiền đầu kỳ	4.32	2.13	2.70	2.15	7.37	10.1
Lưu chuyển tiền thuần	-2.19	0.57	-0.56	5.23	2.77	1.76
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.13	2.70	2.15	7.37	10.1	11.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,733	1,558	11.2%
Tài sản ngắn hạn	1,549	1,359	14.0%
Tiền và tương đương tiền	11.9	2.70	341%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,253	1,137	10.2%
Hàng tồn kho	278	213	30.6%
Tài sản ngắn hạn khác	5.78	6.30	-8.2%
Tài sản dài hạn	183	199	-8.0%
Phải thu dài hạn	7.48	7.02	6.5%
Tài sản cố định	84.9	80.3	5.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.34	6.34	-63.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	88.7	106	-16.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	690	555	24.3%
Nợ ngắn hạn	410	308	33.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.6	3.95	496%
Phải trả người bán ngắn hạn	217	135	60.5%
Nợ dài hạn	280	247	13.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	275	242	13.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,043	1,003	3.9%
Vốn chủ sở hữu	1,043	1,003	3.9%
Vốn điều lệ	790	790	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

